

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(HỢP NHẤT)

QUÝ 4 – NĂM 2013

TÊN ĐƠN VỊ : CTY CP ĐT PT CƯỜNG THUẬN IDICO

MST : 3600459834

ĐỊA CHỈ : 168, KP11, P.AN BÌNH, BIÊN HOÀ , ĐỒNG NAI

NĂM 2013

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Quý 04/2013)

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		586,299,890,607	455,908,799,938
I. Tiền	110		170,639,491,351	19,778,199,094
1. Tiền	111	V.1	170,639,491,351	19,778,199,094
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.1	-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		219,782,745,337	228,089,864,965
1. Phải thu khách hàng	131		101,920,097,681	96,393,448,694
2. Trả trước cho người bán	132		107,018,098,078	127,326,257,157
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	15,922,162,053	7,620,811,563
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(5,077,612,475)	(3,250,652,449)
IV. Hàng tồn kho	140		174,163,867,317	200,903,232,959
1. Hàng tồn kho	141	V.4	174,163,867,317	200,903,232,959
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21,713,786,602	7,137,502,920
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16,953,424,960	2,641,981,803
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		4,760,361,642	4,495,521,117
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,240,696,824,166	717,611,002,284
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Quý 04/2013)

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		1,107,530,923,451	683,384,096,985
1. TSCĐ hữu hình	221	V.8	111,516,011,367	110,754,912,932
- Nguyên giá	222		251,178,006,472	226,297,977,917
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(139,661,995,105)	(115,543,064,985)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.10	23,535,857,275	31,221,245,129
- Nguyên giá	228		84,908,838,182	83,670,838,182
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(61,372,980,907)	(52,449,593,053)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	972,479,054,809	541,407,938,924
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
1. Nguyên giá	241		-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	5,951,707,435	8,018,390,068
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2,201,707,435	4,418,390,068
3. Đầu tư dài hạn khác	258		3,750,000,000	3,600,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		127,214,193,280	26,208,515,231
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	122,482,032,679	24,319,583,493
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		4,732,160,601	1,888,931,738
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,826,996,714,773	1,173,519,802,222

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Quý 04/2013)

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,471,851,189,564	958,776,750,102
I. Nợ ngắn hạn	310		560,593,617,668	485,037,146,617
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	176,654,954,744	314,328,839,836
2. Phải trả cho người bán	312		202,644,172,912	54,802,740,099
3. Người mua trả tiền trước	313		35,679,780,035	69,124,535,618
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	33,171,487,400	17,985,363,183
5. Phải trả người lao động	315		6,247,637,051	5,815,662,623
6. Chi phí phải trả	316	V.17	92,600,101,848	13,045,804,088
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	16,399,235,214	12,047,177,494
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		(2,803,751,536)	(2,112,976,324)
II. Nợ dài hạn	330		911,257,571,896	473,739,603,485
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	15,848,972,474
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	911,257,571,896	457,890,631,011
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		305,729,243,307	173,232,019,004
I. Vốn Chủ Sở Hữu	410		305,729,243,307	173,232,019,004
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	270,000,000,000	150,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10,194,388,098	9,537,781,581
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.22	4,247,989,856	4,247,989,856
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.22	8,436,499,730	8,436,499,730
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	V.22	12,839,245,196	998,627,410
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		11,120,427	11,120,427

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Quý 04/2013)

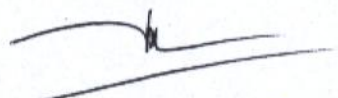
Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		49,416,281,902	41,511,033,116
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,826,996,714,773	1,173,519,802,222

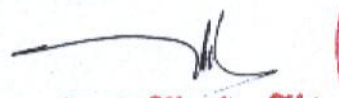
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
Dollar Mỹ (USD)		-	-
Euro (EUR)		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người Lập


Vũ Thị Hồng

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Hồng Tâm

Ngày 13/02/2014

Chủ tịch HĐQT




Trần Như Hoàng

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Quý 04/2013)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính : Đồng Việt Nam			
			Quý 04			
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này			
			Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	V.25	94,939,131,966	73,151,018,450	359,160,818,970	212,380,625,351
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2	V.26	-	-	27,984,400	262,210,735
3 Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10	V.27	94,939,131,966	73,151,018,450	359,132,834,570	212,118,414,616
4 Giá vốn hàng bán	11	V.28	75,580,287,529	57,772,585,531	293,980,071,366	163,826,801,738
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	20		19,358,844,437	15,378,432,919	65,152,763,204	48,291,612,878
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.29	727,388,102	278,162,889	1,185,058,481	877,480,861
7 Chi phí tài chính	22	V.30	6,425,376,173	7,281,540,410	25,701,869,978	24,708,148,923
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5,236,370,576	7,281,540,410	23,374,761,089	23,704,098,865
8 Chi phí bán hàng	24		1,048,296,994	1,249,699,058	3,476,298,117	4,037,456,528
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6,033,167,932	5,581,499,428	25,563,383,354	17,609,636,520
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6,579,391,440	1,543,856,912	11,596,270,236	2,813,851,768
11 Thu nhập khác	31		7,282,159,485	558,413,289	10,507,855,760	3,816,018,460
12 Chi phí khác	32		6,197,107,499	206,147,779	9,421,370,598	2,316,837,728
13 Lợi nhuận khác	40		1,085,051,986	352,265,510	1,086,485,162	1,499,180,732
14 Lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		46,902,435	(99,363,649)	2,113,056,663	(352,927,849)
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7,711,345,861	1,796,758,773	14,795,812,061	3,960,104,651
16a Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.31	6,317,892,118	237,015,303	8,681,209,067	918,653,289

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Quý 04/2013)

16b Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60
18 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của cty mẹ	62
20 Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70

Người Lập


Vũ Thị Hồng

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Hồng Xuân

Ngày 13/02/2014

Chủ tịch HĐQT



(4,732,160,601)	-	(5,760,411,169)	-
6,125,614,344	1,559,743,470	11,875,014,163	3,041,451,362
-	-	-	-
6,125,614,344	1,559,743,470	11,875,014,163	3,041,451,362

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Quý 04/2013)

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		34,761,848,941	3,960,104,651
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao tài sản cố định	2		35,351,969,380	25,647,747,925
Các khoản dự phòng	3		1,826,960,026	-
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		162,685,590	-
Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(1,184,798,157)	(524,553,012)
Chi phí lãi vay	6		23,411,434,005	23,704,098,865
<i>Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i>	8		94,330,099,785	52,787,398,429
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9		34,137,249,054	(21,541,751,661)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		31,087,445,447	(84,055,251,531)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		94,861,897,043	56,849,577,228
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		(67,497,375,952)	(4,712,641,948)
Tiền lãi vay đã trả	13		(23,411,434,005)	(23,704,098,865)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(6,200,000,000)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		10,314,370,649	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(9,690,086,369)	(2,060,873,127)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		157,932,165,652	(26,437,641,475)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(514,567,564,065)	(73,198,219,815)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22		1,627,272,727	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(44,252,000,000)	(42,400,000,000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,184,798,157	877,480,861
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(556,007,493,181)	(114,720,738,954)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31		175,132,000,000	30,800,000,000
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		779,317,921,353	389,544,757,095
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(405,113,301,567)	(215,444,702,136)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36		(400,000,000)	(11,051,312,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		548,936,619,786	193,848,742,959

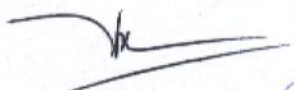
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Quý 04/2013)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		150,861,292,257	52,690,362,530
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		19,778,199,094	21,723,305,186
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70		170,639,491,351	74,413,667,716

Người Lập


Vũ Thị Hồng

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Hồng Thắm

Ngày 13/02/2014

Chức tịch HĐQT




Trần Như Hoàng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Quý 04/2013)

Đơn vị tính: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn :

Công ty cổ phần

02. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất

03. Ngành nghề kinh doanh Công ty CP ĐTPT Cường Thuận và công ty con:

Công ty CP ĐTPT Cường Thuận:

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; thi công công trình điện dân dụng và công nghiệp; san lấp mặt bằng; vận tải hàng hoá đường bộ; gia công chế biến đất, đá và cát (không gia công chế biến tại trụ sở); Mua bán vật liệu xây dựng; mua bán và cho thuê máy móc và thiết bị công trình; sản xuất và gia công các sản phẩm cơ khí và vật liệu bê tông (không sản xuất và gia công tại trụ sở); kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, khách sạn; sản xuất mua bán các loại ống cống bê tông cốt thép theo công nghệ quay ép, ly tâm, và bê tông nhựa nóng (không sản xuất tại trụ sở); đại lý mua bán rượu bia, nước giải khát; kinh doanh nhà hàng ăn uống (không kinh doanh tại trụ sở). Dịch vụ quảng cáo.

Công ty CP ĐT Đồng Thuận (Công ty con):

- Đầu tư xây dựng khai thác kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT);

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.

04. Công ty con

Công ty con là tất cả các công ty chịu sự kiểm soát của công ty mẹ "Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận" trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con. Công ty con được hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát được chuyển cho công ty mẹ. Các công ty con được loại trừ khỏi việc hợp nhất khi quyền kiểm soát chấm dứt.

Tổng số các công ty con : hai (02)

Số lượng các công ty con được hợp nhất : hai (02)

Số lượng các công ty con không được hợp nhất : không (0)

Danh sách công ty con được hợp nhất :

1. Công ty CP Đầu tư Đồng Thuận

- Trụ sở : Số F253, KP.7, Đường Võ Thị Sáu, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

- Tỷ lệ góp vốn của Công ty CP ĐT PT Cường Thuận IDICO : 71.61% (theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).

- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ : 71.61%

- Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ : 71.61%

Công ty CP ĐT Đồng Thuận đang trong giai đoạn đầu tư, chưa có doanh thu

2. Công ty CP Khai Thác và Kinh Doanh VLXD IDICO Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Quý 04/2013)

Đơn vị tính: VND

- Trụ sở : Lầu 1, số 168, KP11, P. An Bình , Biên Hoà, Đồng Nai.
 - Tỷ lệ góp vốn trực tiếp của Công ty CP ĐT PT Cường Thuận IDICO : 35%(theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).
 - Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ : 52.9%
 - Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ : 60%
- Công ty CP Khai Thác và Kinh Doanh VLXD IDICO Đồng Nai đang trong giai đoạn đầu tư, chưa có doanh thu

05. Công ty liên kết

Danh sách công ty liên kết

1. Công ty CP đầu tư Việt Thuận Phát

- Trụ sở : Văn phòng giao dịch 166, Tổ 2, KP. 11, Phường An Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai.
- Tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần ĐTPPT Cường Thuận: 35% (theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)

06. Đặc điểm hoạt động của DN trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Không có

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: VND

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 20/03/2006; thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính.

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Quý 04/2013)

Đơn vị tính: VND

01. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con. Vốn chủ sở hữu và lợi nhuận thuần được phân phối cho các chủ sở hữu không có quyền kiểm soát, được thể hiện riêng biệt trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo được lập trên cơ sở dồn tích. Các chính sách kế toán của công ty mẹ và công ty con áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong các năm trước.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất bao gồm cả kết quả hoạt động của các công ty con.

Toàn bộ các tài khoản và các nghiệp vụ giao dịch trong nội bộ công ty đã được loại trừ.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần ĐTPT Cường Thuận IDICO và Báo cáo tài chính của một (02) công ty con nêu trên.

02. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có quá nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc - bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại - trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng lỗi thời.

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Ghi nhận theo giá gốc.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

3.1 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các khoản chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo hành và đại tu thường ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong trường hợp các chi phí này thể hiện rõ sẽ mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên trạng thái hoạt động được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xoá sổ và bất kỳ khoản lãi hay lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản trong phạm vi Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Quý 04/2013)

Đơn vị tính: VND

Thời gian hữu dụng ước tính cho các nhóm tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	30 năm
Máy móc, thiết bị	6-10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-6 năm

3.2 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản vô hình

Quyền thu phí tính lộ 16

Giá trị quyền thu phí tính lộ 16 là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để có được quyền thu phí tính lộ 16. Công ty ước tính thời gian thu hồi vốn đầu tư là 10 năm.

05. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**5.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết**

Các Công ty được xem là công ty liên kết với công ty khi công ty có vốn chủ sở hữu dài hạn trong các công ty này từ 20% đến dưới 50% (từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết), có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Phương pháp vốn chủ sở hữu là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của Công ty liên kết.

5.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn được lập khi giá thị trường của chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn giảm xuống thấp hơn giá gốc.

06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

Chi phí vay được ghi nhận như khoản chi phí trong năm khi phát sinh, ngoại trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay cho xây dựng tài sản dở dang trong quá trình đầu tư xây dựng, trong trường hợp đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng thì sẽ được vốn hóa như một khoản nguyên giá của tài sản này. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

07. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước dài hạn:

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm: Quyền sử dụng thương hiệu IDICO, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn 3 năm.

08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí bán hàng, lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Quý 04/2013)

Đơn vị tính: VND

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả : Không phát sinh.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.
Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Khi bán hàng hoá thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do công ty tự xác định.

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ đã được khách hàng phản ánh trên hoá đơn.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi nhận trên hoá đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Quý 04/2013)

Đơn vị tính: VND

Các khoản chi lãi tiền đi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán được xác định một cách đáng tin cậy được hạch toán trên chi phí tài chính chưa kể đã chi tiền hay chưa.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại:

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định trên lợi nhuận (lỗ) của năm hiện hành bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hiện hành: Là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ và các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái:

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VNĐ) được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ; khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục ngắn hạn được treo lại trên TK413 đầu năm sau hoàn nhập lại; khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục nợ dài hạn được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo tinh thần Thông tư 177 và 201 của Bộ Tài Chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng được phản ánh lũy kế trên bảng cân đối kế toán ở khoản mục vốn chủ sở hữu. Khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng được phản ánh lũy kế trên bảng cân đối kế toán ở khoản mục vốn chủ sở hữu. Khi kết thúc quá trình xây dựng, toàn bộ chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại của các khoản mục mang tính chất tiền tệ vào ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh được ghi nhận vào tài khoản chi phí chờ phân bổ và được phân bổ vào thu nhập hoặc chi phí hoạt động tài chính của các kỳ hoạt động kinh doanh tiếp theo với thời gian năm.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:**

01. Tiền và các khoản tương đương tiền	Quý 4 năm 2013	Quý 4 năm 2012
- Tiền mặt	145,317,072,747	1,764,483,313
- Tiền gửi ngân hàng	20,959,906,604	17,990,715,781
- Tiền đang chuyển	4,362,512,000	-
Cộng	170,639,491,351	19,755,199,094
02. Tài sản ngắn hạn khác	Quý 4 năm 2013	Quý 4 năm 2012
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	202,000,000	4,156,606,617
- Tạm ứng	4,550,361,642	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn	8,000,000	-
Cộng	4,760,361,642	4,156,606,617

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Quý 04/2013)

Đơn vị tính: VND

03 Các khoản phải thu ngắn hạn khác:	Quý 3 năm 2013	Quý 4 năm 2012
- Tạm chi thù lao HĐQT-Ban kiểm soát	878,043,907	805,504,598
- Phải thu của HĐBT Biên Hòa	6,477,671,573	2,047,375,000
- Phải thu khác của Cty CP ĐT Việt Thuận Phát	5,007,846,575	-
- Phải thu của HĐBT Trảng Bom	1,272,394,004	-
- Phải thu khác	2,286,205,994	4,135,703,493
Cộng	15,922,162,053	7,488,583,091
04. Hàng tồn kho	Quý 4 năm 2013	Quý 4 năm 2012
- Nguyên liệu, vật liệu	9,768,347,981	13,256,927,024
- Công cụ, dụng cụ	1,106,775,410	932,127,028
- Chi phí SX, KD dở dang (*)	145,642,906,610	157,381,568,449
- Thành phẩm	17,191,881,326	30,268,725,221
- Hàng hóa	453,955,990	575,559,183
Giá trị thuần của hàng tồn kho	174,163,867,317	202,414,906,905

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ chủ yếu là dở dang của các công trình xây lắp chưa hoàn thành và nghiệm thu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu kỳ	9,514,740,661	139,565,066,867	58,385,558,684	3,065,107,448	44,257,571,248	254,788,044,908
- Mua trong kỳ	-	2,363,636,364	1,318,143,382	-	-	3,681,779,746
- Đầu tư XDCB hoàn thành					-	-
- Tăng khác						-
- Chuyển sang BĐS đầu tư						-
- Thanh lý, nhượng bán		-	-			-
- Giảm khác		(7,291,818,182)	-	-	-	(7,291,818,182)
Số dư cuối kỳ	9,514,740,661	134,636,885,049	59,703,702,066	3,065,107,448	44,257,571,248	251,178,006,472
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	4,344,413,206	81,126,233,590	23,996,613,032	869,982,894	22,456,672,484	132,793,915,206
- Khấu hao trong kỳ	172,835,688	3,609,861,226	1,864,531,263	132,294,124	1,090,375,782	6,869,898,083
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác		(1,818,184)	-	-	-	(1,818,184)
Số dư cuối kỳ	4,517,248,894	84,734,276,632	25,861,144,295	1,002,277,018	23,547,048,266	139,661,995,105
Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
- Tại ngày đầu kỳ	5,170,327,455	58,438,833,277	34,388,945,652	2,195,124,554	21,800,898,764	121,994,129,702
- Tại ngày cuối kỳ	4,997,491,767	49,902,608,417	33,842,557,771	2,062,830,430	20,710,522,982	111,516,011,367

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Lợi thế thương mại	Bản quyền, bằng sáng chế	Quyền thu phí tính lộ 16	TS Vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình						
Số dư đầu kỳ	-	-	-	84,908,838,182	-	84,908,838,182
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	84,908,838,182	-	84,908,838,182
Giá trị hao mòn lũy kế						-
Số dư đầu kỳ	-	-	-	59,206,736,500	-	59,206,736,500
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-	2,166,244,407	-	2,166,244,407
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	61,372,980,907	-	61,372,980,907
Giá trị còn lại của TSCĐ VH						-
- Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	25,702,101,682	-	25,702,101,682
- Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	23,535,857,275	-	23,535,857,275

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	<i>Quý 4 năm 2013</i>	<i>Quý 4 năm 2012</i>
- Chi phí xây dựng trạm BTNN Tây Ninh	1,322,719,800	-
- Chi phí dở dang dự án khai thác đá Bình Lợi, Đồi chùa	4,568,726,689	227,544,471
- Cty Đồng Thuận (Dự án Đường tránh)	735,703,035,450	398,670,612,038
- Chi phí bồi thường đất mỏ Bình Lợi	15,048,955,266	-
- Khu TĐC Tại xã Phước Tân	76,732,159,096	28,316,773,083
- Khu TĐC Tại xã Bình Minh	129,049,327,020	52,241,492,898
- Chi phí XD CB khác	10,054,131,488	944,978,855
Cộng	972,479,054,809	500,770,959,084

13. Đầu tư tài chính dài hạn:

	<i>Quý 4 năm 2013</i>	<i>Quý 4 năm 2012</i>
- Đầu tư vào công ty liên kết	2,201,707,435	4,669,953,982
- Đầu tư dài hạn khác - Công ty Lắp máy điện nước IDICO nắm giữ 3% vốn điều lệ 80 tỷ, Cty Đồng Thuận góp vốn vào Cty KT KS VL XD - UDICO : 1.350 tỷ .	3,750,000,000	3,600,000,000
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	-
Cộng	5,951,707,435	8,269,953,982

14. Chi phí trả trước dài hạn:

	<i>Quý 4 năm 2013</i>	<i>Quý 4 năm 2012</i>
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	104,642,750	402,649,414
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	2,959,472,493	527,606,624
- Chi phí trùng tu TL16	22,050,075,536	-
- Phần mềm giám sát hệ thống xe vận tải	130,208,335	-
- Mỏ đá Tân Cang 8	48,483,307,463	-
- Giá trị CL của TSCĐ không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá	134,256,468	-
- Chi phí trả trước của Cty VLXD IDICO Đồng Nai	47,126,824,698	5,261,275,115
- Chi phí trả trước của Cty Đồng Thuận	1,493,244,936	126,920,320
Cộng	122,482,032,679	6,596,229,253

15. Vay và nợ ngắn hạn

	<i>Quý 4 năm 2013</i>	<i>Quý 4 năm 2012</i>
- Vay ngắn hạn ngân hàng Công Thương Nhơn Trạch	99,664,596,497	108,782,136,045
- Vay cá nhân	2,000,000,000	-
- Vay ngắn hạn ngân hàng Vietcombank	14,990,358,247	29,999,411,620
- Vay ngân sách TW (Cty Đồng Thuận vay)	60,000,000,000	60,000,000,000
Cộng	176,654,954,744	240,024,744,224

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<i>Quý 4 năm 2013</i>	<i>Quý 4 năm 2012</i>
- Thuế GTGT đầu ra	20,814,133,339	11,354,851,856
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	9,133,459,684	7,083,909,715

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

- Thuế Thu nhập cá nhân	2,173,273,408	1,090,993,590
- Thuế Tài nguyên	535,999,920	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	440,214,500	-
- Các loại thuế khác	74,406,549	74,406,549
Cộng	33,171,487,400	19,604,161,710
17. Chi phí phải trả	Quý 4 năm 2013	Quý 4 năm 2012
- Chi phí phải trả của Cty Đồng Thuận	2,107,758,832	-
- Trích trước chi phí HĐ 15 : cầu vượt đường sắt	5,498,240,397	-
- Trích trước chi phí HĐ 01 gói 8 điện toàn tuyến	1,879,027,386	-
- Trích trước chi phí HĐ 09 : Cầu Sông Bông	292,104,342	292,104,342
- Trích trước chi phí đường tránh HĐ 01, 02, 03, 04 :	34,191,976,487	5,445,840,260
- Trích trước chi phí HĐ03 : Đường HTTN Phước Tân gói 2	5,225,773,880	-
- Trích trước chi phí Đường tránh HĐ 07	5,638,650,121	-
- Trích trước CP đường Tạm cầu Suối Quan, gói 1 cầu số 4	198,223,957	159,854,120
- Trích trước chi phí đường tránh HĐ 06,07,08 :	32,934,775,589	1,149,989,141
- Trích trước chi phí đường ĐT 769	3,059,995,795	-
- Trích trước trùng tu, vệ sinh TL 16	1,298,575,062	173,306,378
Cộng	92,600,101,848	24,924,976,851
18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Quý 4 năm 2013	Quý 4 năm 2012
- Kinh phí công đoàn	200,593,855	136,288,740
- Bảo hiểm xã hội	255,771,917	466,348,402
- Bảo hiểm y tế	46,866,725	212,816,145
- Bảo hiểm thất nghiệp	1,091,836	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	15,894,910,881	26,836,942,212
Cộng	16,399,235,214	27,652,395,499
20. Vay và nợ dài hạn	Quý 4 năm 2013	Quý 4 năm 2012
- Vay Bà Trương Hồng Loan	18,500,000,000	-
- Vay NH TMCP Sài Gòn Hà Nội	1,660,277,788	1,813,888,890
- Vay NH TMCP Vietcombank	34,187,500,000	-
- Vay NH TMCP Quân Đội - CN Đồng Nai	2,141,000,000	-
- Vay ngân hàng Công Thương KCN Biên Hoà	1,717,680,000	-
- Vay ngân hàng Công Thương Nhơn Trạch	793,563,234,067	490,721,638,631
- Vay ngắn NH TMCP Sài Gòn -CN Củ Chi	3,855,874,424	13,980,767,458
- Quỹ ĐT Phát Triển tỉnh Đồng Nai	55,632,005,617	25,718,004,234
Cộng	911,257,571,896	532,234,299,213

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

22. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Nguồn vốn DTXDCB	Cộng
A	1	2		3	4	5	5	6
Số dư đầu kỳ trước	150,000,000,000	10,159,310,000	-	6,557,905,631	4,247,989,856	8,436,499,730	11,120,427	179,412,825,644
Tăng vốn kỳ trước	-	(342,910,964)		-	-	-	-	(342,910,964)
Lãi trong kỳ trước	-	-		190,121,599	-	-	-	190,121,599
Trích các quỹ	-	-		-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ trước	-	-		-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-		-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-		-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ trước	150,000,000,000	9,816,399,036	-	6,748,027,230	4,247,989,856	8,436,499,730	11,120,427	179,260,036,279
Số dư đầu kỳ	150,000,000,000	9,816,399,036	-	6,748,027,230	4,247,989,856	8,436,499,730	11,120,427	179,260,036,279
Tăng vốn	120,000,000,000	377,989,062		-	-	-	-	120,377,989,062
Lãi trong kỳ	-	-		6,125,614,344	-	-	-	6,125,614,344
Trích các quỹ	-	-		(34,396,378)	-	-	-	(34,396,378)
Giảm vốn trong kỳ	-	-		-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ	-	-		-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-		-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	270,000,000,000	10,194,388,098	-	12,839,245,196	4,247,989,856	8,436,499,730	11,120,427	305,729,243,307

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn góp của nhà nước (tổng cty IDICO)
- Vốn góp của các đối tượng khác
- Vốn góp thực hiện dự án nâng cấp QL91 (km14 + 000 - km 50+889)

Cộng

Quý 4 năm 2013

Quý 4 năm 2012

7,000,000,000	7,000,000,000
143,000,000,000	143,000,000,000
120,000,000,000	-
270,000,000,000	150,000,000,000

c. Các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển
- Quỹ dự phòng tài chính
- Nguồn vốn đầu tư XDCB
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quý 4 năm 2013

Quý 4 năm 2012

4,247,989,856	4,247,989,856
8,436,499,730	8,436,499,730
11,120,427	11,120,427
(2,803,751,536)	(2,112,976,324)

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ dự phòng tài chính: được trích lập để sử dụng vào các mục đích sau:

+ Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi: chi khen thưởng CBCNV trong Công ty và chi ủng hộ các đoàn thể ban ngành bên ngoài Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Quý 04/2013)

Đơn vị tính: VND

VL THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Quý 4 năm 2013	Quý 4 năm 2012
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)	94,939,131,966	134,805,042,638
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng, hoạt động xây lắp và cung cấp dịch vụ	71,756,242,534	82,287,925,798
- Doanh thu bán cống	8,140,216,319	43,899,449,567
- Doanh thu thu phí tính lộ 16	7,659,128,182	8,617,667,273
- Doanh thu mỏ đá Tân Cang 8	7,383,544,931	-
26. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	-
27. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (MS 10)	94,939,131,966	134,805,042,638
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng và hoạt động xây lắp	71,756,242,534	82,287,925,798
- Doanh thu thuần bán cống	8,140,216,319	43,899,449,567
- Doanh thu thuần thu phí tính lộ 16	7,659,128,182	8,617,667,273
- Doanh thu mỏ đá Tân Cang 8	7,383,544,931	-
28. Giá vốn hàng bán (Mã số 11)	Quý 4 năm 2013	Quý 4 năm 2012
- Giá vốn của hàng hóa và hoạt động xây lắp	56,987,136,332	76,078,638,165
- Giá vốn của bán cống	6,979,450,905	31,979,522,941
- Giá vốn hoạt động thu phí	3,369,625,831	2,658,363,261
- Giá vốn mỏ đá Tân Cang 8	8,244,074,461	-
Cộng	75,580,287,529	110,716,524,367
29. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	Quý 4 năm 2013	Quý 4 năm 2012
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15,804,900	15,036,763
- Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	162,685,590	39,474,750
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	548,791,500	-
Cộng	727,281,990	54,511,513
30. Chi phí tài chính (Mã số 22)	Quý 4 năm 2013	Quý 4 năm 2012
- Lãi tiền vay	5,236,370,576	7,229,484,886
- Phí bảo tồn vốn tự có TL 16	1,004,050,058	-
- Chi phí tài chính khác	184,955,539	-
Cộng	6,425,376,173	7,229,484,886

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)	Quý 4 năm 2013	Quý 4 năm 2012
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	6,317,892,118	1,634,343,580
Cộng	6,317,892,118	1,634,343,580

32. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

- Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

32.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

32.2 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

32.3 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số V.1 "Tiền và các khoản tương đương tiền". Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các công cụ tài chính khác

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

		Quá hạn nhưng không bị suy giảm	
		91-180 ngày	> 181 ngày
Tổng cộng	Không quá hạn và không bị suy giảm		
31 tháng 12 năm 2013	65,091,114,928	16,565,514,077	20,263,468,676

32.4 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

	VNĐ		
31 tháng 12 năm 2013	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	176,654,954,744	911,257,571,896	1,087,912,526,640
Phải trả người bán	103,333,036,401	99,311,136,511	202,644,172,912
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	12,468,382,612	3,930,852,602	16,399,235,214
	292,456,373,757	1,014,499,561,009	1,306,955,934,766
30 tháng 09 năm 2013			
Các khoản vay và nợ	174,774,558,840	727,400,112,831	902,174,671,671
Phải trả người bán	82,425,008,870	49,174,748,238	131,599,757,108
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	18,992,439,880	3,988,118,602	22,980,558,482
	276,192,007,590	780,562,979,671	1,056,754,987,261

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần quyền sử dụng máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc và quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số V.20 thuyết minh vay ngắn hạn và vay dài hạn). Ngân hàng có trách nhiệm trả lại các tài sản thế chấp cho Công ty. Không có các điều khoản quan trọng khác liên quan đến việc sử dụng tài sản thế chấp này.

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

33. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

+ Giá trị hợp lý của tiền mặt, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ ngắn hạn.

+ Giá trị hợp lý của các khoản vay và nợ được ước tính bằng cách chiết khấu luồng tiền sử dụng lãi suất hiện tại áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Tại ngày 31/12/2013, giá trị ghi sổ của các khoản vay không có khác biệt trọng yếu so với giá trị hợp lý của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

38. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2013	30/09/2013	31/12/2013	30/09/2013
Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
Tài sản tài chính				
- Tiền và các khoản tương đương tiền				
170,639,491,351	-	14,613,272,584	-	170,639,491,351
101,920,097,681	5,077,612,475	93,238,472,452	5,077,612,475	96,842,485,206
- Phải thu khách hàng				
15,922,162,053	-	14,398,477,267	-	15,922,162,053
- Phải thu khác				
14,398,477,267				14,398,477,267
TỔNG CỘNG	288,481,751,085	122,250,222,303	5,077,612,475	283,404,138,610
Nợ phải trả tài chính				
- Vay và nợ				
1,087,912,526,640	-	902,174,671,671	-	1,087,912,526,640
- Phải trả người bán				
202,644,172,912	-	131,599,757,108	-	202,644,172,912
- Phải trả khác				
16,399,235,214		22,980,558,482	-	16,399,235,214
TỔNG CỘNG	1,306,955,934,766	1,056,754,987,261	-	1,306,955,934,766
				1,056,754,987,261

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ : Không có

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC: không có

1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có

1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có

2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có

3- Thông tin về các bên liên quan:

a. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan - Mỗi quan hệ	Tính chất giao dịch	Số dư cuối năm phải thu (phải trả)	Số phát sinh trong năm 2013
- Công ty Việt Thuận Phát - Cty liên kết:	Công ty cho mượn tiền	5,007,846,575	4,500,000,000
	Thi công QL51 gói 4 , gói 14	19,633,968,797	93,000,220,204
Ông Trần Như Hoàng - CT HĐQT	Cty phải trả tiền cổ tức	(100,000,000)	400,000,000
Ông Nguyễn Xuân Quang - TVHĐQT - Tổng Giám Đốc	Cty Cường Thuận IDICO mượn	(500,000,000)	500,000,000
Ông Nguyễn Văn Khang - TVHĐQT - Cổ đông sáng lập	Cty phải trả tiền cổ tức	(440,000,000)	1,000,000
Bà Trương Hồng Loan - TVHĐQT - Cổ đông sáng lập	Cty Cường Thuận vay tiền	(18,500,000,000)	30,900,000,000
Ông Nguyễn Xuân Hoà - Cổ đông sáng lập	Cty Cường Thuận IDICO mượn	(766,855,513)	19,171,976,089
Ông Nguyễn Sỹ Phong - Thành viên HĐQT - Giám đốc Cty IDICO Đồng Nai	Cty IDICO Đồng Nai mượn tiền	(190,000,000)	300,000,000

4- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận: Không có

5- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước): không có

6- Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

7- Những thông tin khác: không có

Người Lập

Kế toán trưởng

Ngày 13/02/2014

Chủ tịch HĐQT

Vũ Thị Hồng

Nguyễn Thị Hồng Tâm



Trần Như Hoàng